

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN LIÊN VIỆT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

kèm theo

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN LIÊN VIỆT

Địa chỉ: Lầu 2, tòa nhà Him Lam, số 234 Ngô Tất Tố, Phường 22, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM

Điện thoại: (08) 3911 5797 Fax: (08) 3911 5798

MỤC LỤC

Trang

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	04 - 06
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
<i>Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	07 - 09
<i>Báo cáo kết quả hoạt động năm 2016</i>	10 - 11
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2016</i>	12 - 13
<i>Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu năm 2016</i>	14
<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính năm 2016</i>	15 - 52

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN LIÊN VIỆT

Địa chỉ: Lầu 2, tòa nhà Him Lam, số 234 Ngô Tất Tố, Phường 22, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM

Điện thoại: (08) 3911 5797 Fax: (08) 3911 5798

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Liên Việt (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

CÔNG TY

Thành lập:	Giấy phép số 104/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp lần đầu ngày 12 tháng 02 năm 2009 và các giấy phép điều chỉnh sau này.
Vốn điều lệ:	250.000.000.000 đồng Việt Nam.
Hoạt động chính trong năm:	Môi giới chứng khoán; Tư vấn tài chính; Lưu ký chứng khoán, Tư vấn đầu tư chứng khoán, Tự doanh chứng khoán.
Trụ sở chính:	Lầu 2, tòa nhà Him Lam, số 234 Ngô Tất Tố, Phường 22, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.
Chi nhánh Hà Nội:	Tầng 23, tòa nhà Thủ Đô, 109 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong năm của Công ty được trình bày trong các báo cáo tài chính đính kèm.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị

<i>Họ và tên</i>	<i>Vị trí</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>
Ông Dương Công Minh	Chủ tịch	04/06/2013
Ông Nguyễn Văn Thanh	Phó Chủ tịch	04/06/2013
Ông Nguyễn Văn Huynh	Thành viên	04/06/2013
Ông Lâm Việt Sơn	Thành viên	04/06/2013

Ban Tổng Giám đốc

<i>Họ và tên</i>	<i>Vị trí</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>
Bà Nguyễn Thị Bích Hồng	Tổng Giám đốc	18/06/2013
Ông Huỳnh Văn Phát	Phó Tổng Giám đốc	28/10/2015

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN LIÊN VIỆT

Địa chỉ: Lầu 2, tòa nhà Him Lam, số 234 Ngô Tất Tố, Phường 22, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM

Điện thoại: (08) 3911 5797 Fax: (08) 3911 5798

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT (tiếp theo)

Ban Kiểm soát

<i>Họ và tên</i>	<i>Vị trí</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>
Bà Lê Phương Thanh	Trưởng ban	04/06/2013
Bà Trần Thị Hồng	Thành viên	04/06/2013
Ông Trần Trung	Thành viên	04/06/2013

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Chứng khoán Liên Việt trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Bà Nguyễn Thị Bích Hồng.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội - Chi nhánh Hồ Chí Minh (CPA HANOI) đã thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã đăng ký. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN LIÊN VIỆT

Địa chỉ: Lầu 2, tòa nhà Him Lam, số 234 Ngô Tất Tố, Phường 22, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM

Điện thoại: (08) 3911 5797 Fax: (08) 3911 5798

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính kèm theo. Các báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán công ty chứng khoán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Bích Hồng
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2017



Số tham chiếu: 17-2-0006/BCKT-BCTC-CPAHANOI-CNHCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Liên Việt

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Liên Việt (“Công ty”), bao gồm Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính, được lập ngày 24 tháng 03 năm 2017, từ trang 07 đến trang 52.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Liên Việt chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán công ty chứng khoán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Liên Việt tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán công ty chứng khoán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Công ty có khoản đầu tư cổ phiếu “Công ty Cổ phần Kỹ thuật Xây dựng và Vật liệu Xây dựng” (Cotec Group) trị giá 32.500.000.000 đồng và cổ phiếu “Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Coecco” (Coecco) trị giá 2.880.000.000 đồng. Số tiền này đang được ghi nhận là tài sản tài chính sẵn sàng để bán trên Báo cáo tình hình tài chính và chưa trích lập dự phòng do không có giá tham chiếu đáng tin cậy (xem Thuyết minh số 7 Bản thuyết minh báo cáo tài chính). Chúng tôi cũng không thể thu thập được các tài liệu hay thông tin để có thể xác định được giá trị cần trích lập dự phòng của khoản đầu tư này do vậy không thể đánh giá được ảnh hưởng của việc này tới Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

Chúng tôi lưu ý đến người đọc đến Thuyết minh số 39 Bản thuyết minh báo cáo tài chính khoản đầu tư cổ phiếu “Công ty Cổ phần Kỹ thuật Xây dựng và Vật liệu Xây dựng” (Cotec Group). Cổ phiếu Cotec Group có liên quan đến vụ kiện ông Hoàng Xuân Quyến (nguyên Tổng Giám đốc Công ty) về việc ông Quyến đã vượt thẩm quyền khi ký kết các hợp đồng hợp tác kinh doanh nêu trên. Tổng số tiền ông Quyến và các cá nhân có liên quan phải trả cho Công ty là 32.500.000.000 đồng và tiền lãi ước tính là 8.158.381.944 đồng. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, ông Quyến và các cá nhân có liên quan đã tự nguyện nộp vào Công ty số tiền 2.336.000.000 đồng để tạm thời khắc phục hậu quả. Được sự đồng ý của các cơ quan chức năng, Công ty đã tiến hành bán đấu giá khoản đầu tư cổ phiếu nêu trên để thu hồi tài sản và ước tính thiệt hại. Theo thông báo của Công ty Cổ phần Bán Đấu Giá Nhân Văn, phiên bán đấu giá tài sản thứ 9 vào ngày 10 tháng 09 năm 2014 đã không thành công. Tính đến thời điểm phát hành báo cáo này, chưa phát sinh thêm phiên bán đấu giá nào nữa. Ngày 12 tháng 02 năm 2015, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án và ra bản án số 69/2015/HSST cùng ngày với nội dung như sau: “buộc ông Hoàng Xuân Quyến bồi thường số tiền 4.992.094.591 đồng cho Công ty (đây là phần thiệt hại vật chất được tính bằng tổng tiền lãi phải trả cho khoản tiền Công ty vay để thực hiện 3 hợp đồng nêu trên), được trừ 2.336.000.000 đồng đã nộp khắc phục, và buộc ông Nguyễn Hoàng Bách (người liên đới trong vụ án) chuyển trả cho Công ty số tiền 2.499.450.000 đồng. Số tiền 32.500.000.000 đồng Công ty đã bỏ ra để mua 3.000.000 cổ phiếu Cotec Group xem như là khoản đầu tư gốc của Công ty”. Công ty đã làm đơn kháng cáo số 18/2015/CV-LVS ngày 24 tháng 02 năm 2015 gửi tòa án nhân dân thành phố Hà Nội kháng cáo về giá trị bồi thường của ông Quyến. Ngày 03 tháng 10 năm 2016, Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án và đã ra bản án số 573/2016/HSPT với nội dung: Hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 69/2015/HSST ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội giao hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội để giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung. Tính đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán, chưa có thông tin về việc giải quyết lại vụ án theo bản án của tòa phúc thẩm. Do vụ việc vẫn đang trong quá trình xét xử và chưa có quyết định cuối cùng từ cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan nên chúng tôi không đánh giá được tính hợp lý của khoản đầu tư này cũng như ảnh hưởng có liên quan đến kết quả kinh doanh của Công ty chưa được ghi nhận (nếu có).

Ngoài ra, chúng tôi cũng lưu ý người đọc đến thuyết minh số 38 về việc trình bày lại thông tin so sánh do việc thay đổi chế độ kế toán.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề nhấn mạnh này.

Báo cáo kiểm toán được lập thành 09 (chín) bản, các bản có giá trị pháp lý như nhau. Công ty Cổ phần Chứng khoán Liên Việt giữ 08 (tám) bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội – Chi nhánh Hồ Chí Minh giữ 01 (một) bản.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội – Chi nhánh Hồ Chí Minh



Trần Quang Cường – Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN: 0270-2013-016-1

Hồ Đình Phúc – Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN: 1268-2015-016-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

<i>TÀI SẢN</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Cuối năm VND</i>	<i>Đầu năm VND</i>
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		209.693.949.077	108.247.343.080
<i>Tài sản tài chính</i>	<i>110</i>		<i>207.323.575.571</i>	<i>106.091.141.096</i>
Tiền và các khoản tương đương tiền	111	4	66.425.356.753	10.949.338.795
<i>Tiền</i>	<i>111.1</i>		<i>10.075.356.753</i>	<i>1.249.338.795</i>
<i>Các khoản tương đương tiền</i>	<i>111.2</i>		<i>56.350.000.000</i>	<i>9.700.000.000</i>
Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	113	5a	102.950.000.000	30.500.000.000
Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	115	5a	32.500.000.000	32.500.000.000
Các khoản phải thu	117		8.937.251.313	4.479.757.222
<i>Phải thu bán các tài sản tài chính</i>	<i>117.1</i>	<i>5b</i>	<i>1.802.120.758</i>	-
<i>Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính</i>	<i>117.2</i>	<i>5c</i>	<i>3.944.819.444</i>	<i>3.944.819.444</i>
<i>Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận</i>	<i>117.3</i>	<i>5d</i>	<i>3.190.311.111</i>	<i>534.937.778</i>
Trả trước cho người bán	118		30.250.000	616.094.100
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	8	707.225.000	41.264.221.061
Các khoản phải thu khác	122	9	6.853.285.026	6.965.001.401
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	129	10	(11.079.792.521)	(21.183.271.483)
Tài sản ngắn hạn khác	130		2.370.373.506	2.156.201.984
Tạm ứng	131	11	1.987.476.676	1.987.476.676
Chi phí trả trước ngắn hạn	133	12	161.190.711	150.525.308
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134	13	18.200.000	18.200.000
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	136		203.506.119	-
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		35.157.695.944	4.829.244.260
<i>Tài sản tài chính dài hạn</i>	<i>210</i>		<i>33.946.530.000</i>	<i>2.880.000.000</i>
Các khoản đầu tư	212		33.946.530.000	2.880.000.000
<i>Đầu tư dài hạn khác</i>	<i>212.4</i>	<i>14</i>	<i>33.946.530.000</i>	<i>2.880.000.000</i>
Tài sản cố định	220		452.380.410	616.625.381
Tài sản cố định hữu hình	221	15	452.380.410	616.625.381
<i>Nguyên giá</i>	<i>222</i>		<i>6.189.260.090</i>	<i>6.189.260.090</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	<i>223a</i>		<i>(5.736.879.680)</i>	<i>(5.572.634.709)</i>
Tài sản cố định vô hình	227	16	-	-
<i>Nguyên giá</i>	<i>228</i>		<i>15.069.690.564</i>	<i>15.069.690.564</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	<i>229a</i>		<i>(15.069.690.564)</i>	<i>(15.069.690.564)</i>
Tài sản dài hạn khác	250		758.785.534	1.332.618.879
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251	13	16.553.790	16.553.790
Chi phí trả trước dài hạn	252	12	313.293.652	887.126.997
Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	254	17	428.938.092	428.938.092
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		244.851.645.021	113.076.587.340

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

<i>NGUỒN VỐN</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Cuối năm VND</i>	<i>Đầu năm VND</i>
NỢ PHẢI TRẢ	300		8.700.512.613	5.777.009.139
<i>Nợ phải trả ngắn hạn</i>	<i>310</i>		<i>8.661.536.637</i>	<i>5.736.033.163</i>
Phải trả người bán ngắn hạn	320		5.627.670	30.554.006
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321	18	2.695.141.336	265.000.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	19	396.207.876	649.673.779
Phải trả người lao động	323		556.595.451	350.695.262
Chi phí phải trả ngắn hạn	325	20	183.648.931	1.215.503.912
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	327	21	1.524.583.336	750.000.001
Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	22	3.249.910.911	2.422.585.077
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	331		49.821.126	52.021.126
<i>Nợ phải trả dài hạn</i>	<i>340</i>		<i>38.975.976</i>	<i>40.975.976</i>
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	352		38.975.976	40.975.976
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		236.151.132.408	107.299.578.201
<i>Vốn chủ sở hữu</i>	<i>410</i>		<i>236.151.132.408</i>	<i>107.299.578.201</i>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	23	250.000.000.000	125.000.000.000
<i>Vốn góp của chủ sở hữu</i>	<i>411.1</i>		<i>250.000.000.000</i>	<i>125.000.000.000</i>
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411.1a</i>		<i>250.000.000.000</i>	<i>125.000.000.000</i>
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	414		39.210.563	39.210.563
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		78.421.126	78.421.126
Lợi nhuận chưa phân phối	417		(13.966.499.281)	(17.818.053.488)
<i>Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện</i>	<i>417.1</i>		<i>(13.966.499.281)</i>	<i>(17.818.053.488)</i>
TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	440		244.851.645.021	113.076.587.340

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Cuối năm VND</i>	<i>Đầu năm VND</i>
TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
Cổ phiếu đang lưu hành (số lượng)	006	24	25.000.000	12.500.000
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK	012	25	54.880.000.000	32.880.000.000
TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
Tài sản tài chính niêm yết/dăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	021		771.748.310.000	771.895.660.000
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		3.436.100.000	3.583.440.000
Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	021.2		48.452.120.000	48.452.130.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	021.3		553.738.540.000	553.738.540.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	021.4		166.121.550.000	166.121.550.000
Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	023		10.000	-
Tiền gửi của khách hàng	026	26	16.945.433.377	3.064.336.500
Tiền gửi về hoạt động môi giới chứng khoán	027		562.782.437	560.414.765
Tiền gửi của tổ chức phát hành chứng khoán	030		16.382.650.940	2.503.921.735
Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031		562.782.437	560.414.765
<i>Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</i>	<i>031.1</i>		<i>562.782.437</i>	<i>560.414.765</i>
Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	035		16.382.650.940	2.503.921.735


Bùi Thị Nga
Người lập biểu


Trần Lan Hương
Kế toán trưởng




Nguyễn Thị Bích Hồng
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01		186.450.381	-
<i>Lãi bán tài sản tài chính FVTPL</i>	<i>01.1</i>	<i>27</i>	<i>186.450.381</i>	-
Lãi từ các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	02	28	4.897.487.603	3.343.614.705
Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06		3.875.000.000	200.000.000
Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	07		30.000.000	-
Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09		376.431.348	284.341.410
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10		3.187.272.129	7.446.818.181
Thu nhập hoạt động khác	11	29	1.405.785.824	734.968.979
Cộng doanh thu hoạt động (20 = 01 -> 11)	20		13.958.427.285	12.009.743.275
CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27		582.048.598	2.592.813.622
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30		418.718.742	307.561.295
Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31		1.950.411.005	229.466.052
Chi phí các dịch vụ khác	32		143.000	145.424.207
Cộng chi phí hoạt động (40 = 21 -> 32)	40		2.951.321.345	3.275.265.176
DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	42		136.290.360	114.528.568
Cộng doanh thu hoạt động tài chính (50 = 41 -> 44)	50		136.290.360	114.528.568
CHI PHÍ QUẢN LÝ CTCK	62	30	6.791.151.271	6.567.997.313
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70=20+50-40-62)	70		4.352.245.029	2.281.009.354
THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
Thu nhập khác	71		1.010	113.008.385
Chi phí khác	72	31	411.018.266	28.426.750
Cộng kết quả hoạt động khác	80		(411.017.256)	84.581.635

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90 = 70 + 80)	90		3.941.227.773	2.365.590.989
Lợi nhuận đã thực hiện	91		3.941.227.773	2.365.590.989
Lợi nhuận chưa thực hiện	92		-	-
CHI PHÍ THUẾ TNDN	100		89.673.566	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	32	89.673.566	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2	32	-	-
LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ (200=90-100)	200		3.851.554.207	2.365.590.989
THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG	500		3.851.554.207	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	501	33	214	189



Bùi Thị Nga
Người lập biểu



Trần Lan Hương
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Bích Hồng
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (theo phương pháp trực tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016


<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Tiền đã chi mua các tài sản tài chính	01		(557.212.200.377)	(239.221.383.945)
Tiền đã thu từ bán các tài sản tài chính	02		438.280.000.000	233.121.383.945
Tiền lãi đã thu	05		3.134.485.888	2.145.514.627
Tiền chi trả Tổ chức cung cấp dịch vụ cho CTCK	07		-	(5.731.342.767)
Tiền chi trả cho người lao động	08		(3.890.150.512)	(4.595.390.340)
Tiền chi nộp thuế liên quan đến hoạt động CTCK	09		(2.209.354.715)	(1.187.584.447)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	11		204.763.531.348	5.097.450.433
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	12		(152.390.293.674)	(1.488.962.905)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>		<i>(69.523.982.042)</i>	<i>(11.860.315.399)</i>
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>		<i>-</i>	<i>-</i>
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		125.000.000.000	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>125.000.000.000</i>	<i>-</i>
Tăng/(giảm) tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50		55.476.017.958	(11.860.315.399)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	4	10.949.338.795	22.809.654.194
Tiền	61		1.249.338.795	809.654.194
Các khoản tương đương tiền	62		9.700.000.000	22.000.000.000

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
 (theo phương pháp trực tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	4	66.425.356.753	10.949.338.795
Tiền	71		10.075.356.753	1.249.338.795
Các khoản tương đương tiền	72		56.350.000.000	9.700.000.000

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng				
Chi trả phí lưu ký chứng khoán của KH	09		(377.075.566)	(235.740.036)
Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán	12	34	289.030.186.270	126.662.527.690
Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán	13	34	(274.772.013.827)	(147.975.115.922)
Tăng/(giảm) tiền thuần trong năm	20		13.881.096.877	(21.548.328.268)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng	30		3.064.336.500	24.612.664.768
Tiền gửi ngân hàng đầu năm	31		560.414.765	538.976.673
<i>Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</i>	32		560.414.765	538.976.673
<i>Tiền gửi của Tổ chức phát hành</i>	35		2.503.921.735	24.073.688.095
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng (40=20+30)	40		16.945.433.377	3.064.336.500
Tiền gửi ngân hàng cuối năm	41		562.782.437	560.414.765
<i>Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</i>	42		562.782.437	560.414.765
<i>Tiền gửi của Tổ chức phát hành</i>	45	34	16.382.650.940	2.503.921.735



Bùi Thị Nga
 Người lập biểu



Trần Lan Hương
 Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Bích Hồng
 Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN LIÊN VIỆT

Lầu 2, toà nhà Him Lam, số 234 Ngô Tất Tố, Phường 22, Quận Bình Thạnh,
Tp.HCM

Điện thoại: (08) 3911 5797

Fax: (08) 3911 5798

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Chi tiêu	Số đầu năm		Số tăng/(giảm)		Số cuối năm	
	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay
	VND	VND	Tăng (Giảm) VND	Tăng (Giảm) VND	VND	VND
I Biến động Vốn chủ sở hữu						
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	125.000.000.000	125.000.000.000	-	125.000.000.000	-	125.000.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	125.000.000.000	125.000.000.000	-	125.000.000.000	-	125.000.000.000
2 Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	39.210.563	39.210.563	-	-	-	39.210.563
3 Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	78.421.126	78.421.126	-	-	-	78.421.126
4 Lợi nhuận chưa phân phối	(20.183.644.477)	(17.818.053.488)	2.365.590.989	3.851.554.207	-	(17.818.053.488)
<i>Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện</i>	(20.183.644.477)	(17.818.053.488)	2.365.590.989	3.851.554.207	-	(17.818.053.488)
Cộng	104.933.987.212	107.299.578.201	2.365.590.989	128.851.554.207	-	236.151.132.408



Bùi Thị Nga
Người lập biểu

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2017



Trần Lan Hương
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Bích Hồng
Tổng Giám đốc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Thành lập

Công ty Cổ phần Chứng khoán Liên Việt tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Viettranimex được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo:

- Giấy phép số 104/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 12 tháng 02 năm 2009;
- Quyết định số 304/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 03 tháng 03 năm 2010 về việc thay đổi vốn góp giữa các cổ đông sáng lập;
- Quyết định số 316/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 20 tháng 04 năm 2010 về việc đổi tên Công ty;
- Quyết định số 309/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 10 tháng 03 năm 2010 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty;
- Quyết định số 325/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 25 tháng 05 năm 2010 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty;
- Quyết định 621/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 03 tháng 08 năm 2010 về việc thành lập chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh;
- Quyết định số 367/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 16 tháng 11 năm 2010 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty;
- Quyết định số 185/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 16 tháng 02 năm 2011 về việc thay đổi người đứng đầu chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh;
- Quyết định số 622/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 24 tháng 08 năm 2011 về việc thay đổi địa chỉ chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh;
- Công văn số 581/2013/SGDHCM-TV ngày 16 tháng 04 năm 2013 của Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh về việc ngừng giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh từ ngày 02 tháng 05 năm 2013;
- Công văn số 487/SGDHN-QLTV ngày 22 tháng 04 năm 2013 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về việc ngừng giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội từ ngày 02 tháng 05 năm 2013;
- Quyết định số 31/GPĐC-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 16 tháng 07 năm 2013 về việc thay đổi người đại diện pháp luật;
- Quyết định số 33/GPĐC-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 06 tháng 08 năm 2013 về việc thay đổi trụ sở chính;
- Quyết định số 462/QĐ-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 06 tháng 08 năm 2013 về việc thay đổi tên và địa chỉ chi nhánh;
- Quyết định số 08/2013/QĐ-SGDHCM của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ngày 20 tháng 09 năm 2013 về việc chấm dứt tư cách Thành viên giao dịch của Công ty từ ngày 20 tháng 09 năm 2013;
- Quyết định số 464/QĐ-SGDHN của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ngày 20 tháng 09 năm 2013 về việc chấm dứt tư cách Thành viên giao dịch của Công ty từ ngày 20 tháng 09 năm 2013;
- Giấy chứng nhận Thành viên lưu ký số 112/GCNTVLK do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam chứng nhận lần đầu ngày 10 tháng 09 năm 2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 12 tháng 08 năm 2013;
- Quyết định số 30/GPĐC-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 23 tháng 6 năm 2015 về việc thay đổi trụ sở chính;
- Giấy phép điều chỉnh số 24/GPĐC-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 25 tháng 07 năm 2016 về việc tăng vốn điều lệ của Công ty.
- Giấy phép điều chỉnh số 38/ GPĐC-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 24 tháng 10 năm 2016 về việc bổ sung nghiệp vụ kinh doanh: Tư vấn đầu tư chứng khoán.
- Quyết định số 1243/QĐ - UBCK ngày 16 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc thay đổi người đứng đầu chi nhánh tại thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Trụ sở chính tại Lầu 2, tòa nhà Him Lam, số 234 Ngô Tất Tố, Phường 22, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chi nhánh Hà Nội tại Tầng 23, Tòa nhà Thủ Đô, 109 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Điều lệ hoạt động

Điều lệ hoạt động của Công ty ban hành tháng 10 năm 2009 và sửa đổi bổ sung ngày 25 tháng 07 năm 2016.

Quy mô vốn

Vốn cổ phần của Công ty là 250.000.000.000 đồng.

Mục tiêu hoạt động: Cung cấp các dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán; thực hiện đầu tư chứng khoán; tư vấn tài chính doanh nghiệp; thực hiện các dịch vụ khác có liên quan đến lĩnh vực chứng khoán; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước; tạo tích lũy cho Công ty nhằm phát triển kinh doanh ngày càng lớn mạnh.

Hoạt động kinh doanh chính trong kỳ: Môi giới chứng khoán; Tư vấn tài chính; Lưu ký chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Tự doanh chứng khoán.

Hạn chế đầu tư

Công ty thực hiện theo quy định tại Điều 44 “Hạn chế đầu tư” Thông tư 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 hướng dẫn thành lập công ty chứng khoán và Khoản 14, Điều 1 Thông tư 07/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính. Một số nội dung hạn chế đầu tư theo các quy định hiện hành như sau:

Đầu tư bất động sản, tài sản cố định

Công ty không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của Công ty. Giá trị còn lại của bất động sản và tài sản cố định được đầu tư không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của Công ty.

Đầu tư trái phiếu

Công ty đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp với tổng giá trị không được vượt quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư tài chính

Công ty không được đầu tư quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh, cụ thể:

Công ty không được trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện:

- Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty khác có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của Công ty;
- Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;
- Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;
- Đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, ngoại trừ đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;
- Đầu tư hoặc góp vốn quá mười phần trăm (10%) tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;
- Đầu tư hoặc góp vốn quá mười lăm phần trăm (15%) vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh.

Nhân viên

Tổng số nhân viên đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 25 người, trong đó có 17 người có chứng chỉ hành nghề chứng khoán (ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 29 người, trong đó có 17 người có chứng chỉ hành nghề chứng khoán).

2. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VÀ TUYÊN BỐ TUÂN THỦ

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán đầu tiên bắt đầu từ ngày 12 tháng 02 năm 2009 (ngày được cấp Giấy phép hoạt động) và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán và lập báo cáo tài chính bằng đồng Việt Nam (VND).

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung và thực hiện trên phần mềm kế toán trên máy vi tính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

2. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VÀ TUYÊN BỐ TUÂN THỦ (tiếp theo)

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán công ty chứng khoán Việt Nam ban hành theo Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư 334/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 27 tháng 12 năm 2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày trên cơ sở tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan và chế độ kế toán công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư 334/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 27 tháng 12 năm 2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Thay đổi chế độ kế toán

Ngày 30 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 210/2014 TT-BTC hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán (“Thông tư 210”). Thông tư này thay thế Thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính về hướng dẫn, sửa đổi bổ sung Thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 của Bộ Tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán. Thông tư có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Ngày 27 tháng 12 năm 2016, Bộ Tài chính ban hành Thông tư 334/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán (“Thông tư 334”).

Những thay đổi quan trọng do áp dụng Thông tư 210 và Thông tư 334 bao gồm:

- Thay đổi tên và hình thức các báo cáo tài chính: Bảng cân đối kế toán được đổi tên thành Báo cáo tình hình tài chính, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được đổi tên thành Báo cáo kết quả hoạt động, lưu chuyển tiền tệ của hoạt động môi giới và ủy thác của nhà đầu tư được trình bày riêng như một phần của báo cáo tài chính cơ bản.
- Tài sản tài chính được phân thành bốn (4) loại là tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ, tài sản tài chính sẵn sàng để bán, tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản cho vay.
- Quản lý tách biệt tài sản của công ty chứng khoán và của nhà đầu tư trên các khoản mục tiền gửi, chứng khoán, các khoản phải trả.

Công ty đã trình bày lại dữ liệu tương ứng của năm trước đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 210 và Thông tư 334 trong báo cáo tài chính năm nay như đã trình bày tại thuyết minh số 38.

3.2 Các chính sách kế toán đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực

Ngày 20 tháng 11 năm 2015, Quốc hội đã thông qua Luật kế toán số 88/2015/QH13 (“Luật kế toán mới”). Luật kế toán mới bổ sung thêm quy định về chứng từ điện tử, đồng thời đưa ra quy định về việc áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý đối với một số loại tài sản và nợ phải trả mà giá trị của chúng biến động thường xuyên theo giá thị trường và có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Luật kế toán mới có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.4 Nguyên tắc và phương pháp kế toán tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM), các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS), nợ tài chính

Nguyên tắc phân loại FVTPL, HTM, các khoản cho vay và phải thu, AFS

Tài sản tài chính (TSTC) được phân loại thành các loại sau đây dựa trên bản chất và mục đích sở hữu tại ngày phát sinh.

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

TSTC được phân loại theo FVTPL khi TSTC đó được nắm giữ để mua bán và được ghi nhận theo FVTPL tại ghi nhận ban đầu. Tất cả công cụ phái sinh bao gồm phái sinh đính kèm, tách biệt với hợp đồng chủ được phân loại là chứng khoán giao dịch, trừ khi chúng được chỉ định và là công cụ phòng ngừa rủi ro.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là TSTC không phái sinh với việc thanh toán là cố định hay xác định được và ngày đáo hạn là cố định mà Công ty đã có ý định tích cực và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Cho vay và phải thu

TSTC không phái sinh với việc hoàn trả lại là cố định hay xác định được mà không được yết giá trên một thị trường hoạt động được phân loại là khoản cho vay và phải thu.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

TSTC không phái sinh mà không được phân loại là HTM, nắm giữ để mua bán; được chỉ định là theo FVTPL; hoặc cho vay và phải thu thì được phân loại là AFS.

Nguyên tắc phân loại nợ tài chính

Nợ tài chính được phân loại là nợ tài chính theo FVTPL hoặc nợ tài chính xác định theo chi phí phân bổ.

Nợ tài chính theo FVTPL

Nợ tài chính theo FVTPL bao gồm một khoản nợ tài chính nắm giữ để mua bán và một khoản nợ tài chính được chỉ định là theo FVTPL. Tất cả công cụ phái sinh bao gồm phái sinh đi kèm tách biệt với hợp đồng chủ được phân loại là nợ tài chính nắm giữ để mua bán trừ khi chúng được chỉ định và là công cụ phòng ngừa hiệu quả. Tiêu chí để chỉ định nợ tài chính theo FVTPL trên ghi nhận ban đầu giống với các tiêu chí tài sản tài chính theo FVTPL.

Nợ tài chính xác định theo chi phí phân bổ

Các khoản nợ tài chính mà không được phân theo FVTPL thì được phân loại là nợ tài chính xác định theo chi phí phân bổ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Nguyên tắc và phương pháp kế toán tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM), các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS), nợ tài chính (tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp kế toán ghi nhận giá trị đánh giá lại tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM), các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường)

Giá thị trường làm căn cứ đánh giá lại được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại;
- Đối với chứng khoán đăng ký giao dịch (cổ phiếu đăng ký giao dịch tại Upcom) là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại;
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của 3 công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá lại nhưng không quá 1 tháng tính đến ngày đánh giá lại. Trường hợp chứng khoán không có giao dịch thực tế phát sinh trong khoảng thời gian trên thì không thực hiện đánh giá lại;
- Đối với những chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

Chênh lệch tăng/giảm giữa giá trị tài sản tài chính và giá trị đánh giá lại được hoàn nhập/lập dự phòng. Tăng hoặc giảm số dư khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí tài chính trong kỳ.

Đối với các khoản cho vay, Công ty đánh giá tổn thất có khả năng xảy ra do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ của mình theo cam kết vay và sẽ trích lập dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay. Tăng hoặc giảm số dư khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí hoạt động trong kỳ.

Nguyên tắc bù trừ tài sản tài chính và nợ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

Nguyên tắc dừng ghi nhận tài sản tài chính và nợ tài chính

Công ty dừng ghi nhận một tài sản tài chính khi quyền nhận được luồng tiền từ tài sản tài chính hết hạn hoặc khi chuyển giao tài sản tài chính cùng với phần lớn rủi ro và lợi ích từ quyền sở hữu tài sản đó cho người nhận tài sản tài chính. Nếu Công ty không chuyển giao cũng không giữ lại phần lớn rủi ro và lợi ích từ quyền sở hữu tài sản đó và tiếp tục kiểm soát tài sản đã chuyển giao, Công ty ghi nhận lợi ích còn lại của tài sản đó và các khoản công nợ liên quan đến việc kiểm soát tài sản. Công ty dừng ghi nhận nợ tài chính khi, và chỉ khi, nghĩa vụ của Công ty đã được miễn, hủy hoặc hết hạn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định được thực hiện theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian ước tính hữu ích của tài sản như sau:

Máy móc thiết bị		5 năm
Phương tiện vận tải		7 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 -	5 năm
Phần mềm máy tính		5 năm
Tài sản cố định vô hình khác	3 -	5 năm

3.6 Nguyên tắc và phương pháp kế toán các khoản phải thu ngắn hạn, dài hạn

Nguyên tắc và phương pháp kế toán phải thu về các tài sản tài chính

Các khoản phải thu bán các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty (không qua Sở giao dịch chứng khoán), kể cả giá trị đáo hạn của các tài sản tài chính hoặc thanh lý các tài sản tài chính này được theo dõi trên chỉ tiêu “Phải thu bán các tài sản tài chính” trên Báo cáo tình hình tài chính.

Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty được theo dõi trên chỉ tiêu “Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận” trên Báo cáo tình hình tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp kế toán dự phòng nợ phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm;
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm;
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm;
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên hoặc không có khả năng thu hồi.

Tăng hoặc giảm số dư khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý trong kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.7 Nguyên tắc và phương pháp kế toán các khoản nợ phải trả ngắn hạn, dài hạn

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.8 Nguyên tắc và phương pháp kế toán ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận được ghi nhận là số lãi/(lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành. Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận và điều chỉnh hồi tố do những thay đổi về chính sách kế toán hay sai sót của các năm trước và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam như sau:

<i>Các quỹ</i>	<i>Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế</i>	<i>Mức trích lập tối đa</i>
Quỹ Dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ Dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	10%	25% vốn điều lệ

3.9 Nguyên tắc và phương pháp kế toán ghi nhận các khoản doanh thu, thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã hoàn thành.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

Tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.10 Nguyên tắc ghi nhận chi phí quản lý

Chi phí được ghi nhận khi có khả năng làm giảm lợi ích kinh tế tại thời điểm phát sinh hoặc có thể xác định được một cách chắc chắn phát sinh không phân biệt đã được thanh toán hay chưa.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**3.11 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho cơ quan thuế, sử dụng mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho giai đoạn tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.12 Nguyên tắc ghi nhận, quản lý và trình bày về tài sản và nợ phải trả của khách hàng

Công ty quản lý tách bạch tiền gửi giao dịch chứng khoán của từng khách hàng, tách bạch tiền của khách hàng với tiền của Công ty. Công ty xây dựng hệ thống quản lý tách bạch tiền của khách hàng theo phương thức khách hàng của Công ty mở tài khoản trực tiếp tại ngân hàng thương mại do Công ty lựa chọn để quản lý tiền giao dịch chứng khoán. Tài sản và nợ phải trả của khách hàng được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính của Công ty (ngoài bảng).

3.13 Quản trị về rủi ro tài chính

Các hoạt động của Công ty khiến cho Công ty phải chịu rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro thay đổi về giá cả thị trường như lãi suất, tỷ giá hối đoái, giá thị trường sẽ ảnh hưởng đến thu nhập của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ.

i. Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính của Công ty bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá.

ii. Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính của Công ty sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường. Công ty phải chịu rủi ro lãi suất trên các khoản tiền gửi ngân hàng và các khoản vay của Công ty.

iii. Rủi ro về giá

Rủi ro về giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Công ty phải gánh chịu tổn thất do một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký với Công ty. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

3.14 Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Cuối năm</i>	<i>Đầu năm</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Tiền	10.075.356.753	1.249.338.795
Tiền mặt tại quỹ	3.615.948	6.228.356
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK	10.071.740.805	1.243.110.439
Các khoản tương đương tiền	56.350.000.000	9.700.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	56.350.000.000	9.700.000.000
Cộng	66.425.356.753	10.949.338.795

Tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 1-3 tháng, lãi suất từ 4,4% đến 5%/năm.

5. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

a. Tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) và tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

<i>Tài sản tài chính</i>	<i>Cuối năm</i>		<i>Đầu năm</i>	
	<i>Giá trị ghi sổ</i>	<i>Giá trị đánh giá lại</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>	<i>Giá trị đánh giá lại</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn	102.950.000.000	102.950.000.000	30.500.000.000	102.950.000.000
<i>Tiền gửi có kỳ hạn cố định (trên 3 tháng) (*)</i>	<i>102.950.000.000</i>	<i>102.950.000.000</i>	<i>30.500.000.000</i>	<i>102.950.000.000</i>
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	32.500.000.000	32.500.000.000	32.500.000.000	32.500.000.000
<i>Cổ phiếu chưa niêm yết - Cotec</i>	<i>32.500.000.000</i>	<i>32.500.000.000</i>	<i>32.500.000.000</i>	<i>32.500.000.000</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN LIÊN VIỆT

Lầu 2, toà nhà Him Lam, số 234 Ngõ Tắt Tố, Phường 22, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM

Điện thoại: (08) 3911 5797 Fax: (08) 3911 5798

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

6. BẢNG TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG GIÁ TRỊ THỊ TRƯỜNG CỦA TÀI SẢN TÀI CHÍNH

STT	Các loại tài sản tài chính	Giá trị mua		Giá trị thị trường hoặc giá trị kỳ này		CL đánh giá kỳ này		Giá trị đánh giá lại		Giá trị mua		Giá trị thị trường hoặc giá trị kỳ trước		CL đánh giá kỳ trước		Giá đánh giá
		VND	VND	VND	VND	Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
A	B	1	2	3=(2-1)	4=(1-2)	5=(1+3-4)	6	7	8=(7-6)	9=(6-7)	10=(6+8-9)					
I	FVTPL															
II	HTM															
1	Tiền gửi có kỳ hạn	102.950.000.000	102.950.000.000	-	-	102.950.000.000	30.500.000.000	30.500.000.000	-	-	30.500.000.000	-	-	-	-	30.500.000.000
III	Các khoản cho vay và phải thu															
1	Các khoản phải thu bán các khoản đầu tư	8.937.251.313	8.937.251.313	-	-	8.937.251.313	4.479.757.222	4.479.757.222	-	-	4.479.757.222	-	-	-	-	4.479.757.222
	Phải thu tiền bán chứng khoán te doanh	1.802.120.758	1.802.120.758	-	-	1.802.120.758	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Các khoản phải thu	1.802.120.758	1.802.120.758	-	-	1.802.120.758	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Khóa nợ thu lãi repo - hợp đồng Cotec	7.135.130.555	7.135.130.555	-	-	7.135.130.555	4.479.757.222	4.479.757.222	-	-	4.479.757.222	-	-	-	-	4.479.757.222
	Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn cố định	3.944.819.444	3.944.819.444	-	-	3.944.819.444	3.944.819.444	3.944.819.444	-	-	3.944.819.444	-	-	-	-	3.944.819.444
IV	AFS															
1	Ngắn hạn	66.446.530.000	76.960.000.000	10.513.470.000	-	76.960.000.000	35.380.000.000	35.380.000.000	-	-	35.380.000.000	-	-	-	-	35.380.000.000
	Cổ phiếu chưa niêm yết	32.500.000.000	32.500.000.000	-	-	32.500.000.000	32.500.000.000	32.500.000.000	-	-	32.500.000.000	-	-	-	-	32.500.000.000
	Công ty Cổ phần Kỹ thuật Xây dựng và Vật liệu Xây dựng - Cotec	32.500.000.000	32.500.000.000	-	-	32.500.000.000	32.500.000.000	32.500.000.000	-	-	32.500.000.000	-	-	-	-	32.500.000.000
2	Dài hạn	33.946.530.000	44.460.000.000	10.513.470.000	-	44.460.000.000	2.880.000.000	2.880.000.000	-	-	2.880.000.000	-	-	-	-	2.880.000.000
	Cổ phiếu niêm yết	31.066.530.000	41.580.000.000	10.513.470.000	-	41.580.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Cổ phiếu Công ty Cổ phần thiết bị Bưu điện - POT	31.066.530.000	41.580.000.000	10.513.470.000	-	41.580.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Cổ phiếu chưa niêm yết	2.880.000.000	2.880.000.000	-	-	2.880.000.000	2.880.000.000	2.880.000.000	-	-	2.880.000.000	-	-	-	-	2.880.000.000
	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Coecco	2.880.000.000	2.880.000.000	-	-	2.880.000.000	2.880.000.000	2.880.000.000	-	-	2.880.000.000	-	-	-	-	2.880.000.000
	Cộng	178.333.781.313	188.847.251.313	10.513.470.000	-	188.847.251.313	70.359.757.222	70.359.757.222	-	-	70.359.757.222	-	-	-	-	70.359.757.222

Chênh lệch tăng do đánh giá lại các loại chứng khoán chưa được ghi nhận tăng giá trị đầu tư và doanh thu tương ứng. Các khoản chênh lệch do đánh giá lại các loại chứng khoán sẽ được điều chỉnh vào báo cáo tình hình tài chính và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi chính sách kế toán về xác định giá trị hợp lý đối với tài sản và nợ phải trả có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 (xem thuyết minh số 3.2).

(Thuyết minh báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN LIÊN VIỆT

Lầu 2, toà nhà Him Lam, số 234 Ngõ Tắt Tố, Phường 22, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM

Điện thoại: (08) 3911 5797 Fax: (08) 3911 5798

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

7. TÌNH HÌNH LẬP DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

STT	Loại TSTC	Cơ sở lập dự phòng năm nay						Mức trích lập hoặc (hoàn nhập) năm nay
		Số lượng	Giá số sách kế toán	Giá thị trường tại thời điểm lập BCTC	Giá trị lập dự phòng năm nay	Giá trị lập dự phòng năm trước	VND	
A	B	1	2	3	4	5	6	
I	TSTC FVTPL	-	-	-	-	-	-	
II	TSTC HTM	-	102.950.000.000	102.950.000.000	-	-	-	
	Tiền gửi có kỳ hạn	-	102.950.000.000	102.950.000.000	-	-	-	
III	Các khoản cho vay và phải thu	-	8.937.251.313	4.992.431.869	3.944.819.444	3.944.819.444	-	
1	Phải thu tiền bán chứng khoán tự doanh	-	1.802.120.758	1.802.120.758	-	-	-	
2	Khoản dự thu lãi repo – hợp đồng Cotec	-	3.944.819.444	-	3.944.819.444	3.944.819.444	-	
3	Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn cố định	-	3.190.311.111	3.190.311.111	-	-	-	
IV	TSTC AFS	5.488.000	66.446.530.000	76.960.000.000	-	-	-	
1	Ngắn hạn	3.000.000	32.500.000.000	32.500.000.000	-	-	-	
	Công ty Cổ phần Kỹ thuật Xây dựng và Vật liệu Xây dựng (*)	3.000.000	32.500.000.000	32.500.000.000	-	-	-	
2	Dài hạn	2.488.000	33.946.530.000	44.460.000.000	-	-	-	
	Cổ phiếu Công ty Cổ phần thiết bị Bưu điện (POT)	2.200.000	31.066.530.000	41.580.000.000	-	-	-	
	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Coecco (*)	288.000	2.880.000.000	2.880.000.000	-	-	-	
	Cộng	5.488.000	178.333.781.313	184.902.431.869	3.944.819.444	3.944.819.444	-	

(*) Công ty chưa lập dự phòng đối với khoản đầu tư này do không thể xác định giá tham chiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 một cách đáng tin cậy.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

8. PHẢI THU CÁC DỊCH VỤ CÔNG TY ĐÃ CUNG CẤP

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Cuối năm VND</i>	<i>Đầu năm VND</i>
Phải thu hoạt động tư vấn tài chính		
Công ty Cổ phần Đầu tư & phát triển Sài Gòn (S.D.I)	-	165.000.000
Công ty Cổ Phần Kinh Doanh Địa ốc Him Lam	-	50.833.223
Công ty Cổ Phần HIMLAM	-	5.310.000.000
Công ty Cổ phần Phương Gia Phú (*)	92.225.000	92.225.000
Dương Minh Hùng	-	12.505.000.000
Công ty Cổ phần Xây lắp 6	-	330.000.000
Công ty Cổ phần đầu tư kinh doanh địa ốc và dịch vụ TMDL Tân Hải	-	294.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thảo Điền	-	2.440.226.638
Công ty TNHH Khải Hưng	-	136.729.000
Công ty Cổ Phần Tân Hoàng Thăng (*)	315.000.000	315.000.000
Công ty Cổ Phần Him Lam Hải Phòng	-	9.100.000.000
Công ty Cổ phần Him Lam Thủ Đức	-	10.525.207.200
Công ty Cổ phần Him Lam BC	300.000.000	-
Cộng	707.225.000	41.264.221.061

(*) Đã lập dự phòng 100%, xem thuyết minh số 10.

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Cuối năm VND</i>	<i>Đầu năm VND</i>
Các khoản phải thu cầm cố, hợp tác đầu tư chứng khoán TBX (*)	6.833.671.401	6.953.671.401
Công ty Cổ phần Nông lâm Hải sản Phương Nam	10.000.000	10.000.000
Phải thu khác	9.613.625	1.330.000
Cộng	6.853.285.026	6.965.001.401

(*) Đã lập dự phòng 4.567.671.401 đồng, xem thuyết minh số 10.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN LIÊN VIỆT

Lầu 2, toà nhà Him Lam, số 234 Ngõ Tất Tố, Phường 22, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM

Điện thoại: (08) 3911 5797

Fax: (08) 3911 5798

Báo cáo tài chính cho năm tài chính
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

10. DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ CÁC KHOẢN PHẢI THU

STT	Loại phải thu khó đòi phải lập dự phòng	Giá trị phải thu khó đòi		Số trích lập trong năm		Số hoàn nhập trong năm		Số cuối năm		Số đầu năm
		VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
1	Các khoản phải thu các dịch vụ Công ty cung cấp	407.225.000	23.030.207.200	35.001.162.838	12.378.180.638	407.225.000	12.378.180.638	92.225.000	92.225.000	12.378.180.638
	Công ty Cổ phần Phương Gia Phú (thuyết minh số 8)	92.225.000	-	-	-	-	-	-	-	92.225.000
	Công ty Cổ phần Him Lam Hải Phòng	-	-	9.100.000.000	-	-	-	-	-	9.100.000.000
	Công ty Cổ phần Đầu tư Thảo Điền	-	-	2.440.226.638	-	-	-	-	-	2.440.226.638
	Công ty TNHH Khai Hưng	-	-	136.729.000	-	-	-	-	-	136.729.000
	Công ty Cổ phần Tân Hoàng Thăng (thuyết minh số 8)	315.000.000	-	-	-	-	-	-	-	315.000.000
	Công ty CP đầu tư kinh doanh địa ốc và dịch vụ TMDL Tân Hải	-	-	294.000.000	-	-	-	-	-	294.000.000
	Công ty Cổ phần Him Lam Thủ đô	-	10.525.207.200	10.525.207.200	-	-	-	-	-	-
	Dương Minh Hùng	-	12.505.000.000	12.505.000.000	-	-	-	-	-	-
2	Các khoản phải thu	10.838.490.845	172.600.000	292.600.000	8.805.090.845	8.685.090.845	8.805.090.845	8.685.090.845	8.805.090.845	8.805.090.845
	Các khoản phải thu cầm cố, hợp tác đầu tư chứng khoán TBX (thuyết minh số 9)	6.893.671.401	172.600.000	292.600.000	4.740.271.401	4.740.271.401	4.740.271.401	4.740.271.401	4.740.271.401	4.860.271.401
	Dự thu lãi Repo cổ phiếu Cotec (thuyết minh số 5c)	3.944.819.444	-	-	-	-	-	-	-	3.944.819.444
3	Tạm ứng	1.987.476.676	1.987.476.676	1.987.476.676	1.987.476.676	1.987.476.676	1.987.476.676	1.987.476.676	1.987.476.676	-
	Huyền Ngọc Huy (thuyết minh số 11)	1.987.476.676	1.987.476.676	1.987.476.676	-	-	-	-	-	-
	Cộng	13.233.192.521	25.190.283.876	35.293.762.838	11.079.792.521	11.079.792.521	21.183.271.483	11.079.792.521	21.183.271.483	21.183.271.483

(Thuyết minh báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

11. TẠM ỨNG

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Cuối năm</i> <i>VND</i>	<i>Đầu năm</i> <i>VND</i>
Huỳnh Ngọc Huy (*)	1.987.476.676	1.987.476.676
Cộng	1.987.476.676	1.987.476.676

(*) Đã lập dự phòng 100%, xem thuyết minh số 10.

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN, DÀI HẠN

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Cuối năm</i> <i>VND</i>	<i>Đầu năm</i> <i>VND</i>
Chi phí trả trước ngắn hạn		
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	4.932.723	21.653.970
Chi phí thuê văn phòng	118.562.967	117.809.378
Chi phí trả trước, chờ phân bổ khác	37.695.021	11.061.960
Cộng	161.190.711	150.525.308
Chi phí trả trước dài hạn		
Chi phí sửa chữa văn phòng	295.537.485	840.127.500
Chi phí chờ phân bổ khác	17.756.167	46.999.497
Cộng	313.293.652	887.126.997

13. CẦM CỐ, THẾ CHẤP, KÝ QUỸ, KÝ CƯỚC NGẮN HẠN, DÀI HẠN

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Cuối năm</i> <i>VND</i>	<i>Đầu năm</i> <i>VND</i>
Ký quỹ ngắn hạn		
Ký quỹ thẻ taxi	15.000.000	15.000.000
Ký quỹ thuê máy photocopy	3.000.000	3.000.000
Ký quỹ khác	200.000	200.000
Cộng	18.200.000	18.200.000
Ký quỹ dài hạn		
Đặt cọc thuê văn phòng Hà Nội	16.553.790	16.553.790
Cộng	16.553.790	16.553.790

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

14. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Chi tiêu	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị đánh giá lại	Giá trị ghi sổ	Giá trị đánh giá lại
	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Coecco (a)	2.880.000.000	2.880.000.000	2.880.000.000	2.880.000.000
Cổ phiếu POT – Công ty Cổ phần Thiết bị Bưu điện (b)	31.066.530.000	41.580.000.000	-	-
Cộng	33.946.530.000	44.460.000.000	2.880.000.000	2.880.000.000

(a) Khoản đầu tư vào cổ phiếu Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Coecco (“Coecco”) chiếm 1,8% vốn điều lệ của Coecco.

(b) Khoản đầu tư 2.200.000 cổ phiếu POT chiếm 11,32% số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty Cổ phần Thiết bị Bưu điện (POT), Công ty đã rút lưu ký số lượng cổ phiếu này tại trung tâm lưu ký chứng khoán (VSD).

15. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chi tiêu	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số đầu năm	1.435.417.000	978.350.000	3.775.493.090	6.189.260.090
Số cuối năm	1.435.417.000	978.350.000	3.775.493.090	6.189.260.090
Hao mòn lũy kế				
Số đầu năm	1.435.417.000	374.996.923	3.762.220.786	5.572.634.709
Khấu hao trong năm	-	150.972.667	13.272.304	164.244.971
Số cuối năm	1.435.417.000	525.969.590	3.775.493.090	5.736.879.680
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	-	603.353.077	13.272.304	616.625.381
Số cuối năm	-	452.380.410	-	452.380.410

Trong đó:

Hết khấu hao đang sử dụng (NG)	1.435.417.000	-	3.775.493.090	5.210.910.090
--------------------------------	---------------	---	---------------	---------------

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

16. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Phần mềm máy tính VND</i>	<i>Tài sản cố định khác VND</i>	<i>Cộng VND</i>
Nguyên giá			
Số đầu năm	13.793.628.254	1.276.062.310	15.069.690.564
Số cuối năm	13.793.628.254	1.276.062.310	15.069.690.564
Hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	13.793.628.254	1.276.062.310	15.069.690.564
Khấu hao trong năm	-	-	-
Số cuối năm	13.793.628.254	1.276.062.310	15.069.690.564
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	-	-	-
Số cuối năm	-	-	-
Trong đó:			
Hết khấu hao đang sử dụng (NG)	13.793.628.254	1.276.062.310	15.069.690.564

17. TIỀN NỢP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Cuối năm VND</i>	<i>Đầu năm VND</i>
Tiền nộp ban đầu	298.643.023	298.643.023
Tiền lãi phân bổ trong năm	130.295.069	130.295.069
Cộng	428.938.092	428.938.092

18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Cuối năm VND</i>	<i>Đầu năm VND</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư & phát triển Sài Gòn (S.D.I)	-	165.000.000
Bùi Thị Nguyên Hạnh	300.000.000	-
Công ty CP nhựa Bảo Vân	1.641.336	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Nhật Tiến	1.138.500.000	-
Công ty Cổ phần Nông lâm Hải sản Phương Nam	100.000.000	100.000.000
Công ty TNHH Xây dựng Nghĩa trang Long Đức	1.155.000.000	-
Cộng	2.695.141.336	265.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Cuối năm</i> <i>VND</i>	<i>Đầu năm</i> <i>VND</i>
Thuế giá trị gia tăng	-	620.075.748
Thuế thu nhập cá nhân	396.207.876	29.598.031
Cộng	396.207.876	649.673.779

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Cuối năm</i> <i>VND</i>	<i>Đầu năm</i> <i>VND</i>
Chi phí hoạt động	130.148.931	95.333.912
Chi phí hoa hồng môi giới	53.500.000	-
Chi phí sửa chữa văn phòng	-	1.120.170.000
Cộng	183.648.931	1.215.503.912

21. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Cuối năm</i> <i>VND</i>	<i>Đầu năm</i> <i>VND</i>
Phí quản lý sổ cổ đông	1.524.583.336	750.000.001
Cộng	1.524.583.336	750.000.001

22. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Cuối năm</i> <i>VND</i>	<i>Đầu năm</i> <i>VND</i>
Phải trả liên quan đến vụ kiện Ông Hoàng Xuân Quyển	2.336.000.000	2.336.000.000
Phải trả khác	913.910.911	86.585.077
Cộng	3.249.910.911	2.422.585.077

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

<i>Cổ đông</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>	<i>Cuối năm VND</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>	<i>Đầu năm VND</i>
Công ty Cổ phần Him Lam	89,50%	223.750.000.000	79%	98.750.000.000
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt	5,50%	13.750.000.000	11%	13.750.000.000
Ông Phan Hữu Tuấn	5,00%	12.500.000.000	10%	12.500.000.000
Cộng	100%	250.000.000.000	100%	125.000.000.000

24. CỔ PHIẾU ĐANG LƯU HÀNH

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	25.000.000	12.500.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	25.000.000	12.500.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>25.000.000</i>	<i>12.500.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	25.000.000	12.500.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>25.000.000</i>	<i>12.500.000</i>

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu.

25. TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHƯA LƯU KÝ TẠI VSD CỦA CÔNG TY

<i>Tài sản tài chính</i>	<i>Cuối năm VND</i>	<i>Đầu năm VND</i>
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Xây dựng và Vật liệu Xây dựng (Cotec Group)	30.000.000.000	30.000.000.000
Cổ phiếu Công ty Cổ phần thiết bị Bưu điện (POT)	22.000.000.000	-
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Coecco	2.880.000.000	2.880.000.000
Cộng	54.880.000.000	32.880.000.000

Giá trị tài sản tài chính được phản ánh theo mệnh giá.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

26. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG

<i>Chi tiêu</i>	<i>Cuối năm VND</i>	<i>Đầu năm VND</i>
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	562.782.437	560.414.765
Tiền gửi của tổ chức phát hành chứng khoán (xem thuyết minh 34b)	16.382.650.940	2.503.921.735
Cộng	16.945.433.377	3.064.336.500

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN LIÊN VIỆT

Lầu 2, toà nhà Him Lam, số 234 Ngõ Tất Tố, Phường 22, Quận Bình Thạnh,
Tp.HCM

Điện thoại: (08) 3911 5797

Fax: (08) 3911 5798

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

27. LÃI BÁN TÀI SẢN TÀI CHÍNH FVTPL

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng	Giá bán	Tổng giá trị bán		Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi, lỗ bán chứng khoán năm nay	Lãi, lỗ bán chứng khoán năm trước
				VND	VND			
A	B	1	2	3=(1*2)	4	5=(3-4)	6	
I	Lãi bán							
1	Cổ phiếu niêm yết	192.100	9.381	1.802.120.761	1.615.670.380	186.450.381	-	
	STB	192.100	9.381	1.802.120.761	1.615.670.380	186.450.381	-	
	Cộng	192.100	9.381	1.802.120.761	1.615.670.380	186.450.381	-	-

28. LÃI TỪ CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN (HTM)

Là khoản lãi tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

29. THU NHẬP HOẠT ĐỘNG KHÁC

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
Doanh thu hoạt động quản lý số cổ đông	1.250.416.665	624.999.999
Thu nhập khác	155.369.159	109.968.980
Cộng	1.405.785.824	734.968.979

30. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
Chi phí nhân viên quản lý (lương và các khoản phúc lợi)	2.594.919.985	3.490.302.026
BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN	155.600.000	351.716.561
Chi phí văn phòng phẩm	26.483.080	43.772.814
Chi phí công cụ, dụng cụ	37.791.608	110.004.773
Chi phí khấu hao TSCĐ	152.104.271	213.739.924
Chi phí thuế, phí và lệ phí	32.696.000	10.724.000
Chi phí dự phòng/(hoàn nhập) dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	1.386.747.676	(547.400.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.903.970.258	2.414.735.876
Chi phí khác	500.838.393	480.401.339
Cộng	6.791.151.271	6.567.997.313

31. CHI PHÍ KHÁC

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
Phạt thuế, truy thu thuế sau quyết toán	411.018.266	-
Chi phí khác	-	28.426.750
Cộng	411.018.266	28.426.750

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp Thuế thu nhập doanh nghiệp (“thuế TNDN”) với thuế suất bằng 20% lợi nhuận thu được.

a. Chi phí thuế TNDN hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
Lợi nhuận kế toán (1)	3.941.227.773	2.365.590.989
Các khoản điều chỉnh tăng (2)	411.018.266	-
Các khoản điều chỉnh (giảm) (3)	(3.190.311.111)	-
Thu nhập chịu thuế TNDN (4) = (1) + (2) + (3)	1.161.934.928	2.365.590.989
Chuyển lỗ năm trước (5)	(1.161.934.928)	(2.365.590.989)
Thu nhập tính thuế (6)	-	-
Thuế suất (7)	20%	22%
Chi phí thuế TNDN (8) = (6) * (7)	-	-
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu/(thừa) năm trước (9)	89.673.566	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành (10) = (8) + (9)	89.673.566	-
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	-	-
Thuế TNDN đã nộp trong năm	89.673.566	-
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	-	-

b. Tình hình quyết toán thuế TNDN

Công ty đã được quyết toán thuế đến năm 2012.

c. Chuyển lỗ

Theo luật thuế hiện hành, các khoản lỗ tính thuế sang kỳ sau trong vòng 5 năm kể từ khi phát sinh để bù trừ với lợi nhuận thu được.

<i>Năm phát sinh - năm hết hạn</i>	<i>Số lỗ phát sinh VND</i>	<i>Số lỗ đã chuyển trong các kỳ tính thuế trước VND</i>	<i>Số lỗ được chuyển trong kỳ tính thuế này VND</i>	<i>Lỗ còn được chuyển VND</i>
2011 - 2016	15.023.225.124	11.035.094.741	3.988.130.383	-
2012 - 2017	6.377.510.489	-	-	6.377.510.489
Cộng	21.400.735.613	11.035.094.741	3.988.130.383	6.377.510.489

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ còn được chuyển do không có các đảm bảo chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế cản trừ các khoản lỗ tính thuế đó.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

33. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Lợi nhuận kế toán sau thuế (1)	3.851.554.207	2.365.590.989
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông hiện hữu (2)	-	-
Lãi/(lỗ) phân bổ cho cổ phiếu phổ thông (3)=(1)+(2)	3.851.554.207	2.365.590.989
Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm (4)	17.979.481	12.500.000
Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (5)=(3)/(4)	214	189

34. PHÂN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC KHÁCH HÀNG

a. Tiền thu/chi của tổ chức phát hành chứng khoán

Công ty đang cung cấp dịch vụ quản lý số cổ đông và thực hiện quyền cổ đông cho tổ chức phát hành.

Tiền thu của tổ chức phát hành là tiền cổ tức của tổ chức phát hành trả cho nhà đầu tư.

Tiền chi trả của tổ chức phát hành là khoản cổ tức đã thanh toán cho nhà đầu tư.

b. Tiền gửi của tổ chức phát hành

Tiền gửi của tổ chức phát hành là số dư khoản tiền gửi thanh toán cổ tức của tổ chức phát hành cho nhà đầu tư mà chưa thanh toán cho nhà đầu tư do nhà đầu tư đang bị phong tỏa tài khoản theo yêu cầu của tổ chức phát hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN LIÊN VIỆT

Lầu 2, toà nhà Him Lam, số 234 Ngõ Tát Tố, Phường 22, Quận Bình Thạnh,

Tp.HCM

Điện thoại: (08) 3911 5797

Fax: (08) 3911 5798

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

35. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ TÀI CHÍNH

	Số cuối kỳ		Giá trị ghi sổ		Số đầu kỳ		Giá trị hợp lý	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tài sản tài chính								
Tiền và các khoản tương đương tiền	66.425.356.753	-	10.949.338.795	-	66.425.356.753	-	10.949.338.795	10.949.338.795
Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	102.950.000.000	-	30.500.000.000	-	102.950.000.000	-	30.500.000.000	30.500.000.000
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	32.500.000.000	-	32.500.000.000	-	32.500.000.000	-	32.500.000.000	32.500.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	8.937.251.313	3.944.819.444	4.479.757.222	3.944.819.444	4.992.431.869		534.937.778	534.937.778
Trả trước cho người bán	30.250.000	-	616.094.100	-	30.250.000	-	616.094.100	616.094.100
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	707.225.000	407.225.000	41.264.221.061	12.378.180.638	300.000.000		28.886.040.423	28.886.040.423
Phải thu khác	6.853.285.026	4.740.271.401	6.965.001.401	4.860.271.401	2.113.013.625		2.104.730.000	2.104.730.000
Đầu tư dài hạn khác	33.946.530.000	-	2.880.000.000	-	41.580.000.000		2.880.000.000	2.880.000.000
Cộng	252.349.898.092	9.092.315.845	130.154.412.579	21.183.271.483	250.891.052.247	108.971.141.096		
Nợ tài chính								
Phải trả người bán ngắn hạn	5.627.670	-	30.554.006	-	5.627.670	-	30.554.006	30.554.006
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	2.695.141.336	-	265.000.000	-	2.695.141.336	-	265.000.000	265.000.000
Phải trả người lao động	556.595.451	-	350.695.262	-	556.595.451	-	350.695.262	350.695.262
Chi phí phải trả ngắn hạn	183.648.931	-	1.215.503.912	-	183.648.931	-	1.215.503.912	1.215.503.912
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	1.524.583.336	-	750.000.001	-	1.524.583.336	-	750.000.001	750.000.001
Phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	3.249.910.911	-	2.422.585.077	-	3.249.910.911	-	2.422.585.077	2.422.585.077
Cộng	8.215.507.635	-	5.034.338.258	-	8.215.507.635	5.034.338.258		

(Thuyết minh báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

35. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn;
- Giá trị hợp lý của các chứng khoán được xác định theo giá trị thị trường.

36. QUẢN TRỊ VỀ RỦI RO TÀI CHÍNH

a. Rủi ro thị trường

Rủi ro tiền tệ: Việc kinh doanh của Công ty không chịu rủi ro tiền tệ do các nghiệp vụ phát sinh đều bằng đồng Việt Nam.

Rủi ro lãi suất: Tiền gửi ngân hàng của Công ty chủ yếu bằng đồng Việt Nam. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty là không đáng kể vì hầu hết các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty đều là tài khoản thanh toán. Công ty không chịu rủi ro lãi suất trên các khoản vay do không có phát sinh các khoản vay.

Rủi ro về giá: Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

b. Rủi ro tín dụng

Công ty không có rủi ro tín dụng đối với khoản phải thu khách hàng do Công ty quản lý tài sản của khách hàng. Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính bằng với giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó trên báo cáo tình hình tài chính. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Công ty là tiền gửi ngân hàng, tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ, tài sản tài chính sẵn sàng để bán, các khoản cho vay, các khoản phải thu khác.

c. Rủi ro thanh khoản

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động các luồng tiền. Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

36. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

c. Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

<i>Nợ tài chính</i>	<i>Dưới 1 năm</i>	<i>Từ 1 đến 5 năm</i>	<i>Trên 5 năm</i>	<i>Cộng</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Đầu năm				
Phải trả người bán ngắn hạn	30.554.006	-	-	30.554.006
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	265.000.000	-	-	265.000.000
Phải trả người lao động	350.695.262	-	-	350.695.262
Chi phí phải trả ngắn hạn	1.215.503.912	-	-	1.215.503.912
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	750.000.001	-	-	750.000.001
Phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	2.422.585.077	-	-	2.422.585.077
Cuối năm				
Phải trả người bán ngắn hạn	5.627.670	-	-	5.627.670
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	2.695.141.336	-	-	2.695.141.336
Phải trả người lao động	556.595.451	-	-	556.595.451
Chi phí phải trả ngắn hạn	183.648.931	-	-	183.648.931
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	1.524.583.336	-	-	1.524.583.336
Phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	3.249.910.911	-	-	3.249.910.911

d. Tài sản tài chính quá hạn, giảm giá

Các tài sản tài chính của Công ty không quá hạn cũng không bị giảm giá: Tiền gửi ngân hàng không quá hạn cũng không bị giảm giá là các khoản tiền gửi chủ yếu tại các ngân hàng có uy tín theo đánh giá của Công ty.

Công ty có nhóm tài sản tài chính quá hạn và giảm giá trị tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán như sau:

<i>Tài sản tài chính</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>	<i>Trong đó</i>	
		<i>Quá hạn</i>	<i>Giảm giá</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Các khoản phải thu ngắn hạn	8.937.251.313	3.944.819.444	-
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	707.225.000	407.225.000	-
Phải thu khác	6.853.285.026	4.740.271.401	-
Tạm ứng	1.987.476.676	1.987.476.676	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

37. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

a. Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm

<i>Đối tượng</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Giá trị VND</i>
Công ty Cổ phần Him Lam	Cổ đông	Cung cấp dịch vụ tư vấn	300.000.000
		Thu tiền dịch vụ tư vấn	5.640.000.000
		Mua dịch vụ	1.778.458.933
		Thanh toán tiền dịch vụ	1.162.364.833
		Thu tiền tăng vốn góp	125.000.000.000
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt	Cổ đông	Gửi tiền có kỳ hạn	359.700.000.000
		Tất toán tiền gửi có kỳ hạn	240.700.000.000
		Lãi tiền gửi có kỳ hạn	4.762.043.048
		Thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	2.171.144.438
		Phí quản lý cổ đông	1.249.999.999
Nguyễn Thị Bích Hồng	Tổng Giám đốc	Mua cổ phiếu POT	31.020.000.000

b. Giao dịch với thành viên ban lãnh đạo chủ chốt

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
Các lợi ích ngắn hạn cho nhân viên (gồm lương, phụ cấp, thuế thu nhập các nhân trả hộ, lợi ích bằng hiện vật, bảo hiểm xã hội và y tế) và thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát	1.525.366.667	1.928.533.333

c. Số dư công nợ phải thu/(phải trả) với các bên liên quan

<i>Đối tượng</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Số dư công nợ</i>	<i>Phải thu/(phải trả) VND</i>
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt	Cổ đông	Tiền gửi có kỳ hạn	154.500.000.000
		Lãi dự thu	3.014.894.447

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

38. THÔNG TIN SO SÁNH

Thông tin so sánh là các thông tin trên các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội – Chi nhánh Hồ Chí Minh (CPA HANOI).

Trong năm 2016, do ảnh hưởng của việc thay đổi chế độ kế toán như đã trình bày tại thuyết minh số 3.1 nên một số khoản mục tương ứng trên báo cáo tài chính năm trước đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của báo cáo tài chính năm nay.

a. Báo cáo tình hình tài chính

Các khoản mục tài sản, nợ phải trả của Công ty được phân loại lại. Tài sản và nợ phải trả của nhà đầu tư được tách ra theo dõi ngoại bảng của báo cáo tình hình tài chính.

<i>Khoản mục</i>	<i>Diễn giải</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015 (số liệu đã trình bày) VND</i>	<i>Điều chỉnh theo Thông tư 334 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015 (phân loại lại) VND</i>
TÀI SẢN				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN				
Tiền	[1]	1.813.675.295	(564.336.500)	1.249.338.795
Các khoản tương đương tiền	[1]	12.200.000.000	(2.500.000.000)	9.700.000.000
Đầu tư ngắn hạn khác (**)	[2]	65.880.000.000	(65.880.000.000)	-
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) (*)	[2]	-	30.500.000.000	30.500.000.000
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) (*)	[3]	-	35.380.000.000	35.380.000.000
Phải thu của khách hàng (**)	[3]	41.264.221.061	(41.264.221.061)	-
Phải thu khác	[3]	11.444.758.623	(4.479.757.222)	6.965.001.401
Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính (*)	[2]	-	3.944.819.444	3.944.819.444
Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận (*)	[3]	-	534.937.778	534.937.778
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp (*)	[3]	-	41.264.221.061	41.264.221.061
Tạm ứng (*)	[3]	-	1.987.476.676	1.987.476.676
Chi phí trả trước ngắn hạn	[3]	32.715.930	117.809.378	150.525.308
Tài sản ngắn hạn khác	[3]	2.005.676.676	(2.005.676.676)	-
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn (*)	[3]	-	18.200.000	18.200.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN				
Chi phí trả trước dài hạn	[3]	1.004.936.375	(117.809.378)	887.126.997
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn (*)	[3]	-	16.553.790	16.553.790
Tài sản dài hạn khác	[3]	16.553.790	(16.553.790)	-
Cộng		135.662.537.750	(3.064.336.500)	132.598.201.250

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

38. THÔNG TIN SO SÁNH (tiếp theo)

a. Báo cáo tình hình tài chính (tiếp theo)

Khoản mục	Diễn giải	Ngày 31 tháng	Điều chỉnh theo	Ngày 31 tháng
		12 năm 2015 (số liệu đã trình bày)	Thông tư 334	12 năm 2015 (phân loại lại)
		VND	VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ				
Nợ phải trả ngắn hạn				
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	[1]	560.414.765	(560.414.765)	-
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu (**)	[1]	2.503.921.735	(2.503.921.735)	-
Cộng		3.064.336.500	3.064.336.500	-

(*) Các chỉ tiêu mới của Báo cáo tình hình tài chính theo Thông tư 334

(**) Các chỉ tiêu của Bảng cân đối kế toán không còn được trình bày theo Thông tư 334

Chi tiết diễn giải số liệu điều chỉnh của một số khoản mục chính như sau:

- [1] Điều chỉnh tiền gửi của nhà đầu tư ra theo dõi ngoại bảng
- [2] Phân loại lại danh mục đầu tư theo quy định Thông tư 334
- [3] Phân loại lại các khoản mục phải thu theo quy định Thông tư 334
- [4] Phân loại lại các khoản mục phải trả theo quy định Thông tư 334
- [5] Phân loại khác

b. Báo cáo kết quả hoạt động

Các khoản mục thu nhập và chi phí Công ty được phân loại lại.

Khoản mục	Diễn giải	Năm 2015	Điều chỉnh theo	Năm 2015
		(số liệu đã trình bày)	Thông tư 334	(phân loại lại)
		VND	VND	VND
DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
Lãi từ các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM) (*)	[6]	-	3.343.614.705	3.343.614.705
Doanh thu khác (**)	[6]	4.193.112.252	(4.193.112.252)	-
Thu nhập hoạt động khác (*)	[6]	-	734.968.979	734.968.979
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (**)		12.124.271.843	(12.124.271.843)	-
Cộng Doanh thu hoạt động (*)		-	12.009.743.275	12.009.743.275

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

37. THÔNG TIN SO SÁNH (tiếp theo)

b. Báo cáo kết quả hoạt động (tiếp theo)

<i>Khoản mục</i>	<i>Diễn giải</i>	<i>Năm 2015</i>	<i>Điều chỉnh theo</i>	<i>Năm 2015</i>
		<i>(số liệu đã trình bày)</i>	<i>Thông tư 334</i>	<i>(phân loại lại)</i>
		<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>
CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
Chi phí hoạt động kinh doanh (**)	[7]	3.275.265.176	(3.275.265.176)	-
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán (*)	[7]	-	2.592.813.622	2.592.813.622
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán (*)	[7]	-	307.561.295	307.561.295
Chi phí hoạt động tư vấn tài chính (*)	[7]	-	229.466.052	229.466.052
Chi phí các dịch vụ khác (*)	[7]	-	145.424.207	145.424.207
Cộng Chi phí hoạt động (*)		-	3.275.265.176	3.275.265.176
Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định (*)	[6]	-	114.528.568	114.528.568
Cộng Doanh thu hoạt động tài chính (*)	[6]	-	114.528.568	114.528.568
Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (**)	[6]	8.849.006.667	(8.849.006.667)	-
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (**)		2.281.009.354	(2.281.009.354)	-
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (*)				
Cộng Kết quả hoạt động khác (*)	[6]	-	84.581.635	84.581.635
Lợi nhuận khác (**)	[6]	84.581.635	(84.581.635)	-
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho chủ sở hữu (*)		-	2.365.590.989	(2.365.590.989)

(*) Các chỉ tiêu mới của Báo cáo kết quả hoạt động theo Thông tư 334

(**) Các chỉ tiêu của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh không còn được trình bày theo Thông tư 334

Chi tiết diễn giải số liệu điều chỉnh của một số khoản mục chính như sau:

[6] Phân loại lại các khoản mục doanh thu theo quy định của Thông tư 334

[7] Phân loại lại các khoản mục chi phí hoạt động theo quy định của Thông tư 334

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

37. THÔNG TIN SO SÁNH (tiếp theo)

c. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Các dòng lưu chuyển tiền của Công ty được phân loại lại.

<i>Khoản mục</i>	<i>Diễn giải</i>	<i>Năm 2015 (số liệu đã trình bày) VND</i>	<i>Điều chỉnh theo Thông tư 334 VND</i>	<i>Năm 2015 (phân loại lại) VND</i>
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh	[8]			
Tiền đã chi mua các tài sản tài chính (*)	[8]	-	(239.221.383.945)	(239.221.383.945)
Tiền đã thu từ bán các tài sản tài chính (*)	[8]	-	233.121.383.945	233.121.383.945
Tiền lãi đã thu (*)	[8]	-	2.145.514.627	2.145.514.627
Tiền chi trả Tổ chức cung cấp dịch vụ cho CTCK (*)	[8]	-	(5.731.342.767)	(5.731.342.767)
Tiền chi trả cho người lao động	[8]	(4.688.610.340)	93.220.000	(4.595.390.340)
Tiền chi nộp thuế liên quan đến hoạt động CTCK (*)	[8]	-	(1.187.584.447)	(1.187.584.447)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	[8]	789.576.381	4.307.874.052	5.097.450.433
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	[8]	(3.005.384.278)	1.516.421.373	(1.488.962.905)
Tiền thu từ hoạt động kinh doanh (**)	[8]	5.774.751.760	(5.774.751.760)	-
Tiền chi hoạt động kinh doanh (**)	[8]	(737.165.786)	737.165.786	-
Tiền thu giao dịch chứng khoán khách hàng (**)	[8]	126.510.529.935	(126.510.529.935)	-
Tiền chi trả giao dịch chứng khoán khách hàng (**)	[8]	(148.123.716.553)	148.123.716.553	-
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ (**)	[8]	(1.471.166.453)	1.471.166.453	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(24.951.185.334)	13.090.869.935	(11.860.315.399)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

37. THÔNG TIN SO SÁNH (tiếp theo)

c. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Phần lưu chuyển tiền tệ hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng được tách ra trình bày riêng trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

<i>Khoản mục</i>	<i>Diễn giải</i>	<i>Năm 2015 (số liệu đã trình bày)</i>	<i>Điều chỉnh theo Thông tư 334</i>	<i>Năm 2015 (phân loại lại)</i>
		<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	[8]			
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia các khoản đầu tư tài chính dài hạn (**)	[8]	1.572.541.667	(1.572.541.667)	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác (**)	[8]	(192.821.383.945)	192.821.383.945	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác (**)	[8]	185.651.383.945	(185.651.383.945)	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (**)	[8]	(2.860.000.000)	2.860.000.000	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(8.457.458.333)	8.457.458.333	-
IV. Tăng/giảm tiền thuần trong năm		(33.408.643.667)	21.548.328.268	(11.860.315.399)
V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		47.422.318.962	(24.612.664.768)	22.809.654.194
Tiền (*)	[8]	-	809.654.194	809.654.194
Các khoản tương đương tiền (*)	[8]	-	22.000.000.000	22.000.000.000
VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm		14.013.675.295	(3.064.336.500)	10.949.338.795
Tiền (*)	[8]		1.249.338.795	1.249.338.795
Các khoản tương đương tiền (*)	[8]		9.700.000.000	9.700.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

37. THÔNG TIN SO SÁNH (tiếp theo)

c. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Phần lưu chuyển tiền tệ hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng

<i>Khoản mục</i>	<i>Diễn giải</i>	<i>Năm 2015 (số liệu đã trình bày) VND</i>	<i>Điều chỉnh theo Thông tư 334 VND</i>	<i>Năm 2015 (phân loại lại) VND</i>
I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng (*)				
Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng (*)		-	(235.740.036)	(235.740.036)
Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán (*)		-	126.662.527.690	126.662.527.690
Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán (*)		-	(147.975.115.922)	(147.975.115.922)
Tăng/giảm tiền thuần trong năm (*)		-	(21.548.328.268)	(21.548.328.268)
II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng (*)				
Tiền gửi ngân hàng đầu năm (*):		-	538.976.673	538.976.673
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý (*)			538.976.673	538.976.673
- Tiền gửi của Tổ chức phát hành (*)		-	24.073.688.095	24.073.688.095
III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng (*)				
Tiền gửi ngân hàng cuối năm (*):		-	560.414.765	560.414.765
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý (*)			560.414.765	560.414.765
- Tiền gửi của Tổ chức phát hành (*)		-	2.503.921.735	2.503.921.735

(*) Các chỉ tiêu mới của Báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo Thông tư 334

(**) Các chỉ tiêu của Báo cáo lưu chuyển tiền tệ không còn được trình bày theo Thông tư 334

Chi tiết diễn giải số liệu điều chỉnh của một số khoản mục chính như sau:

[8] Phân loại lại các dòng tiền theo quy định của Thông tư 334

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

39. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Ngày 01/06/2012, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hà Nội đã có thông báo số 853 về việc “Khởi tố và tạm giam bị can” đối với ông Hoàng Xuân Quyền – Nguyên Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Liên Việt về hành vi “tự ý ký 2 hợp đồng huy động vốn với Ngân hàng TMCP Tiên Phong và 3 hợp đồng hợp tác đầu tư (repo) cổ phiếu của Công ty Cổ phần Kỹ thuật Xây dựng và Vật liệu Xây dựng (Cotec Group) không đúng thẩm quyền, làm trái quy định và điều lệ hoạt động của Công ty Cổ phần Chứng khoán Liên Việt gây thiệt hại đặc biệt lớn đến tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Liên Việt”.

Cụ thể, ông Hoàng Xuân Quyền đã ký 3 hợp đồng hợp tác kinh doanh cổ phần số HTKD2501-01/LVS-KH (ngày 25/01/2011), HTKD1502-01/LVS-KH (ngày 15/02/2011), HTKD1502-02/LVS-KH (ngày 15/02/2011) với lần lượt bà Trần Thị Huệ Chi, ông Nguyễn Đức Hoàn, ông Bùi Hoàng Giang để mua 3.000.000 cổ phần Công ty Cổ phần Kỹ thuật Xây dựng và Vật liệu Xây dựng (Cotec Group). Tổng số tiền đầu tư là 32.500.000.000 đồng. Tuy nhiên, theo Điều lệ Công ty và các ủy quyền liên quan, ông Hoàng Xuân Quyền chỉ được ký kết các hợp đồng này khi Hội đồng Quản trị thông qua. Ngoài ra, Hội đồng Quản trị cũng cho rằng trong điều khoản của hợp đồng có sự sửa chữa so với các loại hợp đồng cùng loại của Công ty, gây bất lợi cho Công ty.

Biên bản làm việc giữa Công ty và Phòng cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự quản lý kinh tế và chức vụ thuộc công an thành phố Hà Nội ngày 15/05/2012 với nội dung như sau:

- Công ty yêu cầu ông Hoàng Xuân Quyền và các bên có liên quan (ông Trần Tự Thành, ông Đỗ Quang Minh, ông Nguyễn Đức Hoàn) do đã vi phạm thẩm quyền, dẫn đến gây hậu quả nghiêm trọng phải trả cho Công ty tổng số tiền 40.658.381.944 đồng, bao gồm 32.500.000.000 đồng tiền gốc và 8.158.381.944 đồng tiền lãi ước tính sử dụng vốn không hiệu quả (lãi ước tính chưa ghi nhận vào báo cáo tài chính). Đến thời điểm này, các bên nêu trên đã tự nguyện nộp vào Công ty số tiền 2.336.000.000 đồng để tạm thời khắc phục hậu quả. Số tiền còn phải nộp là 38.822.381.944 đồng;
- Sau khi trả đủ tiền, Công ty sẽ trả lại 3.000.000 cổ phiếu Cotec Group cho các bên nêu trên.

Tuy nhiên, do hợp đồng được ký kết vượt thẩm quyền nên có thể hợp đồng sẽ vô hiệu, khi đó việc xử lý các quyền và nghĩa vụ giữa các bên có thể sẽ thay đổi. Đến thời điểm lập báo cáo này, sự việc đã được cơ quan Cảnh sát điều tra công an thành phố Hà Nội kết thúc điều tra, chuyển hồ sơ vụ án đến Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đề nghị truy tố. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đã có cáo trạng số 151/CT-VKS-P1B ngày 14 tháng 03 năm 2014 quyết định truy tố ông Hoàng Xuân Quyền ra trước Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội về “Tội lạm quyền trong khi thi hành công vụ” (qui định tại khoản 3 Điều 282 Bộ luật hình sự). Hiện Công ty vẫn đang ghi nhận đây là khoản đầu tư ngắn hạn trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty và chưa ghi nhận các ảnh hưởng về tài chính liên quan đến khoản đầu tư này vào báo cáo tài chính. Được sự đồng ý của các cơ quan chức năng, Công ty đã tiến hành bán đấu giá khoản đầu tư cổ phiếu nêu trên để thu hồi tài sản và ước tính thiệt hại. Theo thông báo của Công ty Cổ phần bán đấu giá Nhân Văn, phiên bán đấu giá tài sản ngày 10 tháng 09 năm 2014 không thành công (phiên thứ 9). Và tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, chưa phát sinh thêm phiên bán đấu giá kế tiếp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

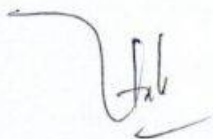
38. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

Ngày 12 tháng 02 năm 2015, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án và đã ra Bản án số 69/2015/HSST cùng ngày với nội dung như sau: buộc ông Hoàng Xuân Quyến bồi thường số tiền 4.992.094.591 đồng cho Công ty (đây là phần thiệt hại vật chất được tính bằng tổng tiền lãi phải trả cho khoản tiền Công ty vay để thực hiện 3 hợp đồng nêu trên), được trừ 2.336.000.000 đồng đã nộp khắc phục, và buộc ông Nguyễn Hoàng Bách (người liên đới trong vụ án) chuyển trả cho Công ty số tiền 2.499.450.000 đồng. Số tiền 32.500.000.000 đồng Công ty đã bỏ ra để mua 3.000.000 cổ phiếu Cotec Group xem như là khoản đầu tư gốc của Công ty. Công ty đã làm đơn kháng cáo số 18/2015/CV-LVS ngày 24 tháng 02 năm 2015 gửi tòa án nhân dân thành phố Hà Nội kháng cáo về giá trị bồi thường của ông Quyến.

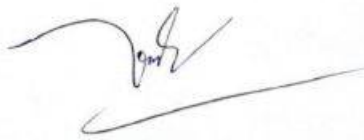
Ngày 03 tháng 10 năm 2016, Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án và đã ra bản án số 573/2016/HSPT với nội dung: Hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 69/2015/HSST ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội giao hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội để giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung. Tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính, chưa có thông tin về việc giải quyết lại vụ án theo bản án của tòa phúc thẩm.

39. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.



Bùi Thị Nga
Người lập biểu



Trần Lan Hương
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Bích Hồng
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2017